

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Ông Nguyễn Nam Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **89/2022**/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị A, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: Ba Lan.

- *Bị đơn:* **Anh Vũ** Thuận E, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 316 đường G, thị trấn H, huyện I, thành phố Hải Phòng.

Cùng vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 20-4-2022, nguyên đơn là chị Bùi Thị A trình bày:

Chị A và anh E quen biết và quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện I, thành phố Hải Phòng ngày 09-01-2014. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống cùng gia đình anh E tại địa chỉ: Số 316 đường G, thị trấn H, huyện I, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, chị A, anh E hòa thuận đến tháng 9-2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn; hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị A hiện sinh sống và làm việc tại Châu Âu. Do đó, chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A ly hôn với anh E.

Tại bản tự khai ngày 06-6-2022, bị đơn là anh Vũ Thuấn E trình bày:

Anh E xác nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị A được xác lập như chị A trình bày. Mâu thuẫn phát sinh do chị A không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 9-2016 anh E, chị A sống ly thân và chị A về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau khi sống ly thân một thời gian thì anh E được biết chị A đã sang Ba Lan sinh sống, làm việc. Từ khi sống ly thân đến nay, anh E và chị A không còn liên lạc với nhau. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm đến nhau; chị A có yêu cầu ly hôn, anh E đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh E xác nhận có một con chung là: Vũ Ngọc K, sinh ngày 18-5-2014. Khi ly hôn, chị A, anh E thống nhất để anh E tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Anh E không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị A và anh E xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị A, anh E vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, vụ án có nguyên đơn là công dân Việt Nam đang sinh sống tại nước ngoài - quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa và do bận công việc, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, chị A, anh E có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị A, anh E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt chị A, anh E.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện I, thành phố Hải Phòng ngày 09-01-2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A và anh E chung sống hòa thuận đến tháng 9-2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Hiện chị A đã sống và làm việc tại Châu Âu nhiều năm, anh E vẫn ở trong nước. Việc họ cùng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn là tự nguyện, phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh E xác nhận quá trình chung sống có một con chung là: Vũ Ngọc K, sinh ngày 18-5-2014. Khi ly hôn, chị A, anh E thống nhất để anh E tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; cháu Vũ Ngọc K cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Anh E không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận về nuôi con chung giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh E xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị A được ly hôn với anh Vũ Thuận E.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Ngọc K, sinh ngày 18-5-2014 cho anh E Thuận E nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Thuận E không yêu cầu chị Bùi Thị A cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Chị Bùi Thị A có quyền thăm nom con chung, anh Vũ Thuần E không được cản trở chị Bùi Thị A thực hiện quyền này. Chị Bùi Thị A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Vũ Thuần E.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị A và anh Vũ Thuần E xác nhận không có tài sản chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000418 ngày 22-4-2022** của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Bùi Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Vũ Thuần E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn H, huyện I, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Minh Hạnh